

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/DS-PT  
Ngày: 17-6-2020  
V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Triều.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Bà Trần Thị Kim Em.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 449/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Kiều O, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/01/2019)

**- Bị đơn:**

1. Ông Đào Công K, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2. Bà Đặng Thị Lệ C, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền bà C:* Chị Dương Thị Mỹ L, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2020)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Kiều P, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Chị Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Số 2L/3 đường Học L, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Đặng Thị Lệ C.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O trình bày:*

Vào khoảng năm 2011 – 2012, chị O có tham gia 02 dây hội do chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K làm chủ hội. Dây hội 1.000.000 đồng/tháng và dây hội 500.000 đồng/tháng, mỗi dây hội chị O tham gia 01 phần.

Ngày từ khi tổ chức các dây hội, chị C không có đưa danh sách hội cho các hội viên, việc theo dõi do chị C tự ghi trong sổ của chị C, chị C chỉ thông báo số phần tham gia và thời gian khai hội cho các hội viên biết.

Năm 2013, chị C và anh K tuyên bố vỡ hội thì hai bên tổng kết nợ hội thì chị C và anh K còn nợ chị O tổng cộng 24.130.000 đồng, chị C tự tay viết giấy nợ hội. Chị O đã đến nhà đòi số tiền nợ hội 24.130.000 đồng thì chị C và anh K trả được 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), còn nợ lại 22.930.000 đồng. Số tiền còn lại chị C và anh K cứ hứa hẹn hoài mà không trả nên chị O đã nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã X giải quyết nhưng không thành, tuy nhiên

tại Biên bản hòa giải ngày 05/01/2019 phía chị C có thừa nhận còn nợ chị O số tiền hội 22.930.000 đồng nên ghi số tròn vào biên bản là 23.000.000 đồng nên ghi số tròn vào biên bản là 23.000.000 đồng.

Do đó, nay chị O yêu cầu vợ chồng chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K phải liên đới trả lại cho chị O 22.930.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn chị Đặng Thị Lệ C trình bày:*

Vào các năm 2011, 2012 chị có làm chủ các dây hội có lãi trong đó chị Trần Thị Kiều O có tham gia hội viên, chị không nhớ rõ chị O đã tham gia bao nhiêu dây hội và bao nhiêu phần hội. Do có nhiều hội viên hốt hội nhưng không đóng lại hội chết nên chị tuyên bố vỡ hội. Từ ngày chị tuyên bố vỡ hội chị đã trả lại tiền vốn cho chị O và các hội viên xong, hội viên nào còn thiếu chị sẽ viết giấy nhận nợ. Khi chị O tham gia dây hội của chị thì chị với chị O chỉ thỏa thuận bằng lời nói, việc giao nhận tiền hội cũng không có làm biên nhận, khi vỡ hội chị đã trả tiền cho chị O xong, chị không còn thiếu bất cứ khoản tiền nào của chị O nữa nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị O.

Tại lần hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã X chị có mặt nhưng chị không thừa nhận còn thiếu tiền của các hội viên vì chị đã trả xong, lúc đó Ủy ban nhân dân xã X có cho chị và các hội viên thời gian để nộp chứng cứ nhưng sau đó Ủy ban nhân dân xã X không có mời chị nữa, Ủy ban nhân dân xã không có yêu cầu chị ký biên bản gì.

Việc tham gia các dây hội chỉ có chị làm chủ hội còn chồng chị là ông Đào Công K không có tham gia, việc chị tham gia hội là lén lút ông K không hề hay biết. Tiền lời từ việc làm chủ hội, chơi hội chị dùng để mua thức ăn chăn nuôi heo nhằm phục vụ kinh tế gia đình, ông K chỉ phụ chị chăn nuôi heo lúc chị vắng nhà.

*Bị đơn anh Đào Công K trình bày:*

Trước đây vào năm 2011, khi phát hiện vợ anh là chị Đặng Thị Lệ C tham gia các dây hội cùng những người trong ấp Tân Hòa, xã X thì anh cấm không cho chị C tham gia góp hội và từ năm 2001 đến nay chị C lén lút chơi hội với ai thì anh không biết. Do đó anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O.

*Người làm chứng chị Lê Thị Kiều P, bà Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị L, chị Phan Thị Thu H, bà Nguyễn Thị S, chị Lê Thị N, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Xuân H, chị Đặng Thị Mỹ L trình bày:*

Các anh chị thống nhất lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của chị O, xác định chị C và anh K có làm chủ các dây hội tại địa phương, anh K giúp chị C thu gom hội. Các chị và chị O đều là hội viên của chị C và anh K trong các dây hội từ năm 2011 đến năm 2012. Khi tổ chức các dây hội, chị C và anh K không đưa danh sách hội viên mà chị C chỉ thông báo số phần tham gia và thời gian khai hội.

Việc chị C tổ chức các dây hội thì anh K không biết. Khi đóng tiền hội, có khi là chị C, có khi là anh K đi gom tiền hội hoặc có khi hội viên đến nhà đóng

cho chị C và anh K, cả anh chị đều nhận tiền hối. Việc gom hối không có giấy tờ. Mỗi lần đóng tiền thì chị C và anh K chỉ ghi trong sổ anh chị theo dõi.

Đến khoảng năm 2013 thì chị C tuyên bố vỡ hối, chị C và anh K có thỏa thuận với các hối viên về việc xin trả dần và không chịu viết biên nhận còn nợ hối khi các hối viên yêu cầu. Cho chị C, anh K thiếu nợ nhiều người nên các hối viên đồng ý cho anh chị được trả dần, trả từ từ mỗi người một ít, nhưng sau đó anh chị không trả nữa. Do đó các hối viên có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết tranh chấp nợ hối nên ngày 05/01/2019, Ủy ban nhân dân xã X có mời các hối viên và chị C anh K đến làm việc. Tuy nhiên trong quá trình lập biên bản thì Ủy ban nhân dân xã X đã lập sai thủ tục.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 449/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kiều O.

Buộc chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Thị Kiều O số tiền 22.930.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/01/2020, bị đơn chị Đặng Thị Lệ C có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Huỳnh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tổ tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tổ tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào bên nhận do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung không rõ ràng ai là người còn nợ số tiền hối do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Lời trình bày của các đương sự, nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có mặt tại phiên tòa, anh Đào Công K

vắng mặt căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét thời hạn kháng cáo: Bị đơn bà chị Đặng Thị Lệ C có đơn kháng cáo còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung kháng cáo:

- Thứ nhất: Chị C kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K có chơi hụi là không đúng sự thật.

- Thứ hai: Chị cho rằng nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hụi mà lại chuyển sang đòi tài sản là không đúng.

- Thứ ba: Chị cho rằng từ tháng 4/2013 chị bị bế hụi đến ngày 30/01/2019 nguyên đơn mới đi khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hụi thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị C là bà Dương Mỹ L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chị C và anh K trả cho chị O là không phù hợp pháp luật vì xét thời gian chơi hụi chị C làm chủ hụi mọi giao dịch trong tiền hụi do chị C đảm nhiệm, anh K không có tham gia vào việc chơi hụi này. Xét lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2019 chị C trình bày là “tiền lời từ việc làm chủ hụi, chơi hụi chị dùng để mua thức ăn chăn nuôi heo nhằm phục vụ kinh tế gia đình ông K chỉ phụ chị chăn nuôi heo lúc chị vắng nhà, còn heo là của chị nuôi” cho thấy việc chị C dùng tiền lời vào việc chăn nuôi heo khi bán có lãi cũng sử dụng vào mục đích kinh tế chung trong gia đình, đồng thời chị lập các dây hụi từ năm 2011 đến năm 2012 trong một thời gian dài mà anh K hay biết là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó yêu cầu kháng cáo này là không có cơ sở.

- Thứ hai: Chị kháng cáo cho rằng nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hụi mà lại chuyển sang đòi tài sản là không đúng. Xét vào năm 2011 – 2012, chị O có tham gia 02 dây hụi do chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K làm chủ hụi. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng và dây hụi 500.000 đồng/tháng, mỗi dây hụi chị O tham gia 01 phần.

Ngay từ khi tổ chức các dây hụi, chị C không có đưa danh sách hụi cho các hụi viên, việc theo dõi do chị C tự ghi trong sổ của chị C, chị C chỉ thông báo số phần tham gia và thời gian khai hụi cho các hụi viên biết.

Năm 2013, chị C và anh K tuyên bố vỡ hụi, hai bên tổng kết nợ hụi thì chị C và anh K còn nợ chị O tổng cộng 24.130.000 đồng, chị C tự tay viết giấy nợ hụi. Chị O đã đến nhà đòi số tiền nợ hụi 24.130.000 đồng thì chị C và anh K trả được 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), còn nợ lại 22.930.000 đồng. Tại biên bản đối chất ngày 30/7/2019 chị O chứng minh tờ biên nhận ghi số tiền hụi, “Chị C trình bày rằng biên nhận chị O nộp cho Tòa án là chữ viết của chị nhưng không nhớ viết khi nào, chị chỉ nhớ là trả hết nợ”. Căn cứ vào Điều 92 những tình tiết sự kiện không phải chứng minh tại khoản 2 nêu rõ “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn

bản, kết luận của cơ quan chuyên môn bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Đồng thời căn cứ Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 30/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại Điều 23 khoản 2 điểm b quy định: Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, Chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tại cấp sơ thẩm chị O khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hui, chứng cứ chị O đưa ra là biên nhận hui, chị C cũng thừa nhận đó là chữ viết của chị, xét về thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hui đã hết nhưng căn cứ nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chuyển sang quan hệ tranh chấp là “Đòi tài sản” là đúng quy định pháp luật.

Do đó yêu cầu kháng cáo của chị C là không có cơ sở do đó cần buộc chị C trả cho chị O số tiền 22.930.000 đồng (tiền nợ hui) là có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 668, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 169, Điều 256, Điều 290, Điều 298, khoản 1 Điều 302 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình, điểm b khoản 3 Điều 23, Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Lệ C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 449/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều O.

Buộc chị Đặng Thị Lệ C và anh Đào Công K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Kiều O số tiền 22.930.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và chị Đặng Lệ C, anh Đào Công K phải chịu 1.146.500 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị C đã đóng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003356 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sau khi được cản trừ chị C, anh K còn phải nộp tiếp số tiền 1.146.500 đồng.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Kiều O số tiền 573.750 đồng (năm trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0015683 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 6 năm 2020 có mặt chị N, chị L./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Triều**